

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18 /2021/DS-ST**

Ngày: 22 - 6 - 2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đình Hiền.

Bà Đoàn Thị Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phương Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 236/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2020 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2021/QĐST-DS ngày 24/5/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP STB; địa chỉ: Đường N, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà N.Đ.T.D – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông V.P.Đ.D – Chuyên viên quản lý nợ; có mặt.

- Bị đơn: Ông V.H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Đường T, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2020 và bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ông Ông V.P.Đ.D trình bày:

Ngày 28/7/2016, ông V.H ký kết với Ngân hàng TMCP STB hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng). Căn cứ vào công

việc, thu nhập và mục đích sử dụng tiền vay của ông V.H, Ngân hàng TMCP STB đã chấp nhận và cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng.

Sau khi Ngân hàng TMCP STB cấp và kích hoạt thẻ tín dụng, ông V.H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 30.000.000 đồng, ông H đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP STB số tiền 25.162.000 đồng; trong đó: tiền lãi và các loại phí tính đến ngày 30/9/2018 là 12.041.811 đồng, số tiền giao dịch: 13.120.189 đồng. Sau đó, ông V.H không tiếp tục thanh toán số tiền còn lại mặc dù Ngân hàng TMCP STB đã nhiều lần yêu cầu ông H trả nợ.

Do ông V.H vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, nên ngày 01/10/2018, Ngân hàng TMCP STB đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Tính đến ngày 30/9/2020, ông V.H còn nợ của Ngân hàng TMCP STB số tiền theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là 32.303.911 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 16.879.811 đồng, nợ lãi quá hạn: 15.424.100 đồng).

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP STB vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc ông V.H phải trả cho Ngân hàng TMCP STB tổng cộng số tiền nợ còn thiếu tính đến ngày 22/6/2021 là: 37.895.411 đồng (trong đó: nợ gốc: 16.879.811 đồng, nợ lãi quá hạn: 21.015.600 đồng) và số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc còn lại theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức là tính từ ngày 23/6/2021) cho đến khi trả hết nợ vay.

Kèm theo yêu cầu khởi kiện, người khởi kiện đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của Ngân hàng TMCP STB; Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh của Ngân hàng TMCP STB – chi nhánh Huế; Bản sao Giấy ủy quyền của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP STB; Bản sao Giấy ủy quyền của Giám đốc chi nhánh Thừa Thiên Huế; Bản sao Quyết định điều động và bổ nhiệm nhân sự của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP STB; Bản sao Quyết định về việc ủy quyền ký hợp đồng, văn bản và tham gia tố tụng; Bản photo Sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân của ông V.H; Bản sao Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng; Công văn số 588B/2019/CV-CNTTH ngày 28/8/2019 về việc nhắc nợ của Ngân hàng TMCP STB; Thông báo khởi kiện số 799/2019/TBKK-CNTTH ngày 26/12/2019; Bảng tóm tắt sao kê tính lãi của Hợp đồng tín dụng số 578 tính đến ngày 16/4/2021; Thông báo số 710/TB-TTT ngày 31/12/2013 về việc gia tăng tiện ích thẻ tín dụng và lãi suất giao dịch rút tiền mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với bị đơn nhưng ông V.H không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên

Tòa án không thể lấy lời khai của bị đơn và tiến hành hòa giải được; đồng thời tiến hành xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù Tòa án đã triệu tập, niêm yết hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng, không có vi phạm gì cần phải kiến nghị khắc phục.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo luật định.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông V.H đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt niêm yết hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi 37.895.411 đồng và số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc còn lại theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ vay là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn là ông V.H phải chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của các đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP STB khởi kiện tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đối với bị đơn là ông V.H có địa chỉ: Đường T, phường A, thành phố H nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tại phiên tòa hôm nay, ông V.H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông V.H không đến làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ là tự chối bỏ việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo

quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như các giấy tờ tài liệu thu thập được để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quyền khởi kiện của người khởi kiện và tính hợp pháp của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng) ngày 28/7/2016:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số: 0301103908, đăng ký lần đầu ngày 13/01/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 39 ngày 26/01/2018 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp thì Ngân hàng TMCP STB được thành lập và tổ chức hoạt động tín dụng dưới hình thức Công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng) ngày 28/7/2016 ký kết giữa Ngân hàng TMCP STB và ông V.H được ký kết trên cơ sở tự nguyện giữa các bên, các điều khoản ký kết trong hợp đồng này đều không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các Điều 385, 398 và 401 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng này là hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia ký kết. Hiện tại, ông V.H còn thiếu nợ nhưng không trả đúng hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng nên Ngân hàng TMCP STB có quyền khởi kiện.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Sau khi ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng) ngày 28/7/2016, Ngân hàng TMCP STB đã tiến hành cấp thẻ, kích hoạt thẻ tín dụng và chuyển tiền vào tài khoản thẻ theo hạn mức tín dụng đã ký kết cho ông V.H là đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo hợp đồng. Ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 30.000.000 đồng, đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP STB số tiền 25.162.000 đồng; trong đó: tiền lãi và các loại phí tính đến ngày 30/9/2018 là 12.041.811 đồng, số tiền giao dịch: 13.120.189 đồng. Tuy nhiên, mặc dù hợp đồng sử dụng thẻ chưa được tất toán, ông H đang còn nợ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/9/2020 là 32.303.911 đồng nhưng đã không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán là vi phạm hợp đồng. Tính đến ngày 22/6/2021, ông V.H còn nợ của Ngân hàng TMCP STB tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số tiền gốc và lãi là 37.895.411 đồng. Do đó, Ngân hàng TMCP STB khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông V.H phải trả số tiền nợ gốc và lãi nêu trên là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 280, 282 và 466 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP STB về việc buộc ông V.H phải tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc còn lại theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét

xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ vay, thấy rằng: Yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với các điều khoản trong hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, phù hợp với quy định tại Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông V.H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 186; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 280, 282, 398, 401, 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP STB;

Buộc ông V.H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP STB số tiền nợ còn thiếu là: 37.895.411 đồng (Ba mươi bảy triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn, bốn trăm mười một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông V.H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng), các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP STB thì lãi suất mà ông V.H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP STB theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP STB.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông V.H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $37.895.411 \text{ đồng} \times 5\% = 1.894.770 \text{ đồng}$.

Ngân hàng TMCP STB không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 807.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000584 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT–Huế (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thành phố H;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Lưu Tòa DS; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Nam